TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **542/**2025/DS-ST
Ngày: 26 – 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sao

2. Ông Nguyễn Anh Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 954/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 953/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B; Địa chỉ trụ sở: Số A đường Q, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999; Địa chỉ liên lạc: Số C đường P, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền số 010306/2025/UQ-GĐ ngày 03/6/2025) (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Căn hộ B chung cư K, số C - 308 đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 04/04/2023, bà Trần Thị Kim T đã ký kết với Ngân hàng TMCP B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng

Thẻ tín dụng quốc tế B1 số 205-040423-MCPlatinum-20503794 ngày 04/04/2023 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) và đính kèm theo Bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Theo đó, Ngân hàng TMCP B đã phát hành thẻ tín dụng cho bà T, với thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức thẻ tín dụng: 100.000.000 đồng;

- Hiệu lực của thẻ tín dụng: Đến hết ngày 30/04/2028;

- Lãi suất trong hạn: Theo công bố của Ngân hàng TMCP B trong từng thời kỳ; Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 23%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Ngày thông báo giao dịch định kỳ: Ngày 20 hàng tháng;

Tiền lãi được cộng dồn hằng ngày và được tính trên từng giao dịch phát sinh theo mức lãi suất Ngân hàng TMCP B công bố từng thời kỳ. Bà T còn phải chịu các khoản phí phát sinh gồm phí thường niên, phí chậm thanh toán số tiền tối thiểu và phí giao dịch thẻ... (quy định tại khoản 8.3, 8.4 Điều 8 Bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế).

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 347.288.000 đồng và đã trả được cho Ngân hàng số tiền là 257.244.188 đồng, trong đó nợ gốc là 248.222.481 đồng, nợ lãi là 6.609.667 đồng, tiền phí thanh toán là 2.412.000 đồng.

Kể từ ngày 06/03/2024, bà T vi phạm nghĩa vụ đã cam kết được quy định tại Hợp đồng tín dụng ngày 04/04/2023 và Bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, cụ thể: bà T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi và phí phát sinh. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, cũng như tạo điều kiện thuận lợi nhưng bà T vẫn không hợp tác giải quyết khoản nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 05/7/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại là 99.065.519 đồng sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Vì vậy, Nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bà Trần Thị Kim T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng ngày 04/04/2023 và Bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tạm tính đến ngày 26/6/2025 là 148.943.960 đồng, trong đó nợ gốc là 99.065.519 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.632.334 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.749.120 đồng, phí là 4.496.987 đồng. Lãi suất trong hạn hiện nay là 23%/năm.

- Toàn bộ các khoản lãi, phí (nếu có) tiếp tục phát sinh kể từ ngày 27/6/2025 cho đến ngày bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Hợp đồng tín dụng ngày 04/04/2023 và Bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho bà Trần Thị Kim T nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên căn cứ Điều 93, 94, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Bà Trần Thị Kim T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B một lần tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2025 là 148.943.960 đồng, trong đó: nợ gốc là 99.065.519 đồng, nợ lãi là 45.381.454 đồng, phí là 4.496.987 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bà Trần Thị Kim T phải chịu toàn bộ số tiền lãi quá hạn, phí, phạt phát sinh kể từ ngày 27/6/2025 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

- Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét Đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2024 của nguyên đơn, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế B1 số 205-040423-MCPlatinum-20503794 ngày 04/04/2023; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo địa chỉ bị đơn cung cấp trong các Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ của bị đơn tại căn hộ B chung cư K, số C - 308 đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà T có hộ khẩu thường trú tại căn hộ B chung cư K, số C - 308 đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tạm trú tại số I đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T không có đăng ký thường trú, tạm trú, thực tế cư trú tại số địa chỉ số I đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, có căn cứ xác định địa chỉ thường trú và địa chỉ ghi trên hợp đồng tín dụng của bị đơn là tại căn hộ B chung cư K, số C - 308 đường V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Từ những phân tích trên, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:* Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 03/6/2025. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do bà Trần Thị Kim T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ án, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bà T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 26/6/2025 là 148.943.960 đồng, trong đó nợ gốc là 99.065.519 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.632.334 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.749.120 đồng, phí là

4.496.987 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 27/6/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng ngày 04/04/2023 và lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bà T đã vi phạm quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; vi phạm Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn và phạt vi phạm phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 26/6/2025 là 148.943.960 đồng, trong đó nợ gốc là 99.065.519 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.632.334 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.749.120 đồng, phí là 4.496.987 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T trả số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là 148.943.960 đồng, do đó án phí bà T phải chịu là 7.447.198 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.246.394 đồng theo Biên lai thu tiền số 0045691 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B:

Buộc bà Trần Thị Kim T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền còn nợ của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế B1 số 205-040423-MCPlatinum-20503794 ngày 04/04/2023, tính đến ngày 26/6/2025 là 148.943.960 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 99.065.519 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.632.334 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.749.120 đồng, phí là 4.496.987 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.447.198 đồng (bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi tám đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.246.394 đồng (ba triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0045691 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hương